

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, điển nghĩa, điển giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

Cóc chết ba năm lại quay đầu về núi

Trong *Từ điển thành ngữ Việt Nam* có câu thành ngữ “cóc ba năm lại quay đầu về núi”. Hình thức gốc của câu này là “*cáo chết ba năm quay đầu về núi*” như ai nấy đều biết. Đầu có thể nào tự tiện đổi “*cáo*” thành “*cóc*” được, vì nếu có thể hoán vị một cách tùy tiện như thế thì biết đâu sẽ chẳng có người hứng chí viết “*con cáo là cậu ông trời*” để làm một cuộc đổi đời vì xưa nay ai cũng biết rằng cậu của ông trời là...con cóc.

Rất có thể là thợ nhà in chơi khăm các nhà biên soạn *Từ điển thành ngữ Việt Nam* nên mới xếp sai “*cáo*” thành “*cóc*” chẳng!

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

Nông Cổ Mìn Đàm

Tuần báo phát hành vào ngày thứ Năm, do Canavaggio sáng lập. Số 1 ra ngày 1-8-1901, chủ bút tờ báo này lần lượt gồm có: Dữ Thúc Lương Khắc Ninh, Gilbert Trần Chánh Chiếu, Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn Viên Kiều, Nguyễn Đồng Trụ, còn có sự cộng tác của các nhà văn danh tiếng như Nguyễn An Khương, Thượng Tân Thị Phan Quốc Quang, Lê Quang Chiếu, Giáo Sỏi. Nội dung báo gồm có luận thuyết, tin tức, lời rao, dịch chuyện Tàu, diễn Nôm các bản cổ văn, thi ca, nhàn đàm.



Tiếp đến là Lục Tỉnh Tân Văn (số 1: 15/1/1907)

Theo Nguyễn Văn Trung, cuốn tiểu thuyết quốc ngữ sớm nhất viết theo lối Tây phương, *Thầy Lazzaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, xuất hiện ở trong Nam ngay từ 1887 và bản dịch Tam Quốc Chí đầu tiên, cũng khởi đăng trên Nông Cổ Mìn Đàm, số một.

Sau đây trích một bài dịch Hán văn của Nguyễn Chánh Sắt :

Chuyện mộ Tào Tháo

Phía ngoài thành Hứa-Đô có một cái sông nước chảy rất mạnh, hai bên thì bờ vực thẳm sâu. Mùa hè trời nóng nực, có một người kia xuống tắm, giây phút nổi lên như bị đao búa chém đứt ra từng khúc. Sau có một người cũng bị như vậy, thiên-hạ thất-kinh lấy làm lạ. Quan phủ sở tại thấy vậy, bèn bắt nhiều dân khiêng đất đôn cây chặn ngọn nước sông lại, lúc nước cạn rồi thì thấy dưới sông có cái hang sâu, trong ấy có đặt những xa máy tinh những gương bén lăm. Phá máy lấy gương lên, moi riết vào thấy có cái bia nhỏ đề chữ giống điệu chữ đời Hớn, xem kỹ ra mới biết là mộ của Tào Mạnh Đức. Quan phủ bèn dạy phá hòm ra, lấy xương đem chôn nơi khác. Còn những ngọc ngà châu báu liệm trong hòm, thì lấy hết mà bỏ vào kho.

Trong sách có nói Tào Tháo có bảy mươi hai cái mã nghi, hay đầu ngoài bảy mươi hai cái lại còn một cái này nữa. Ấy vậy thì gian trá như Tào Tháo, đến thác cũng còn gian trá. Song nghĩ lại mà coi, gian trá cho lắm lại có ích gì ngoài một nắm xương tàn.

Cục cứt và con chó...

Trước năm 75, miền Nam có câu thơ:

Em như cục cứt trôi sông

Anh như con chó chạy rong trên bờ

Hai câu thơ trên xuất xứ từ văn chương bình dân truyền khẩu:

Em đẹp như phân lạc giữa dòng

Anh như chú khuyển đứng bên sông

Dòng sông nước chảy em trôi mãi

Anh đứng trên bờ rỏ dãi trông

Tiếng Việt vừa dễ vừa khó

Hỏi : Bạn ơi! Chè hoa cau là chè gì bạn nhi?

Đáp : Theo cái hiểu biết nông cạn sệt của tui thì "chè hoa *cau*" miền Bắc nó giống như "chè *táo* soạn" miền Nam. 😊

Tui chỉ dám viết...nó giống như vì trên căn bản cùng là chè nấu với đậu xanh cà vỏ. Nhưng chè táo soạn nấu cho nhiều bột mì tinh nên sệt hơn, và ăn với nước cốt dừa. Trong khi chè hoa cau có hương thơm thoang thoảng nhờ nước bông bưởi.

Kêu là *táo* nhưng có...*dừa*. Gọi là hoa *cau* nhưng mùi hoa *bưởi*!! Hè hè, ngộ héng.

(Trau giời tiếng Việt - ĐatViet.com)

Sưu tầm, sưu tập

Sưu tầm là tìm kiếm, thu thập, tập hợp lại một cách có hệ thống.

Bộ sưu tập là kết quả của công việc đó.

Cách nói đúng là: "Nhà sưu tầm và bộ sưu tập".

Thí dụ: Nhà sưu tầm nổi tiếng với những bộ sưu tập quý hiếm.

Nhưng gần đây, trên sách báo trong nước gọi là "*nhà sưu tập*" như thể "*nhà sưu tầm*" chưa bao giờ hiện hữu và tồn tại vậy.

Bất tri tam bách...

Có người cho là cụ Nguyễn Du rất cẩn trọng và khiêm cung nên câu “*Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*” là của ai đó viết, chứ câu ấy chẳng thể là của cụ Nguyễn Du.

Quan quả

“Quan” (Hán Việt) là người đàn ông không lấy vợ.
“Quả” (Hán Việt) là người đàn bà góa chồng.
“Quả nữ” (Hán Việt) là người con gái còn độc thân.

Chồng chết, đàn bà lấy chồng khác thì gọi “*tái giá*”.
Tái là thêm, là lại, là hai lần, *giá* là lấy chồng

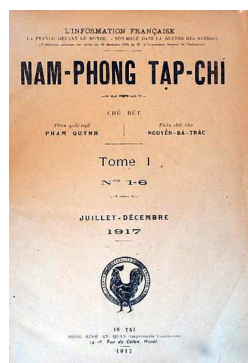
Vợ chết, đàn ông lấy vợ khác gọi “*tục huyền*”.
Tục là tiếp nối, *huyền* là dây đàn. Đàn ông vợ chết coi hư dây đàn đứt nên lấy vợ khác nối lại dây đàn.

Đàn bà góa chồng gọi là “*quả phụ*”. Quả bộ thủy.
Đàn ông góa vợ gọi là “*quan phu*”. Quan bộ ngư.
(còn nghĩa khác nữa là chưa có vợ?)

Bố mẹ vợ gọi là ông bà nhạc.
Còn bố mẹ chồng gọi là gì?

Giá sách cũ thập niên 20

Năm 1913, Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản *Đông Dương tạp chí*, mở đầu một giai đoạn mới trong nền văn học Việt Nam. *Đông Dương tạp chí* là một tờ tuần báo, ban biên tập gồm những người Tây học và Hán học.



Đến giữa năm 1917, Phạm Quỳnh phát hành tờ nguyệt san *Nam phong tạp chí*. Cả hai tờ báo được coi như hai luồng gió mới thổi vào nền văn học Việt Nam khiến cho chữ quốc ngữ phát triển nhanh chóng hơn.

Ông Vĩnh còn làm báo “An Nam Nouveau”, Trung Bắc Tân Văn. Tân Nam Tử là biệt hiệu của ông.

(Tạ Quang Khôi – Sơ lược văn học Việt Nam tiền bán thế kỷ 20)

Những dị biệt với Truyện Kiều

Theo Hoàng Xuân Hãn, *Truyện Kiều* có nhiều ấn bản khác nhau với những chữ khác nhau. Theo ông phải biết tiếng Nôm, phải hiểu tiếng Việt, nhiều khi gặp tiếng địa phương lại khác nữa, như:

Nằm tròn như cuội trong mây
Trần trần một phận áp cây đã liễu

Thực ra phải đọc là:
Vuông tròn như cuội trong mây
Triển triển một phận áp cây đã liễu

(Thụy Khuê – Nguyễn Đình Toản)

Tiếng Việt dễ nhưng...thương không dễ

Bà con nghe tui định nghĩa dĩa “*cháo Bắc kỳ*” à nghe :

Cháo muốn - Cháo nấu với rau muốn (...*rau muống*)

Cháo hoa - Ăn wài vẫn hoa mắt... vì đói.

(Trau giời tiếng Việt - ĐatViet.com)

Cội nguồn tiếng Việt

Vào cái thưở mới thôi nói Ta chưa phải là Ta, Tàu chưa phải là Tàu, Ta đã có chừng 27.000 tiếng Việt trong ngôn ngữ thì mỗi tiếng phải có *một nguồn gốc nào đó mà sinh ra* và góp lại mà thấy nó quanh quất ở Đông Nam Á thì nguồn gốc nó là ở Đông Nam Á.

Thí dụ chữ cái “nếp sống” mà người Thái, người Lào gọi là “*song viết*” thì xưa kia, cụ Nguyễn Trãi cũng nói và viết với chữ Nôm là “*song viết*” rồi sau đấy mới có chữ...nếp sống.

Thật ra dù Ta có vay mượn 24.000 tiếng mà nói thì sau hai ngàn năm tức 24.000 tháng, Ta chỉ vay mượn mỗi tháng 1 (một) chữ mà thôi, có chi mà gọi là nhiều trong 270.000 chữ? Vì vậy chớ la hoảng tiếng Ta là...tiếng Tàu!

Vì vậy, *tiếng Việt ta không hề là một bản rập khuôn của tiếng Tàu* bao giờ đâu!Thí dụ:

Ta nói con của gạch chứ đâu nói...con vô tràng công tử đâu.
Ta nói là con nhện chứ đâu nói...con tri thủ hồi nào.
Ta nói là con nòng nọc chứ đâu nói...con khoa đầu.

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

Tiếng Việt điệu kỳ

Tiếng Anh nói “carry”, tiếng Pháp là “porter” thì Việt Nam ta có nhiều tiếng tương đương:

“ẵm, bồng, đội, đeo, mang, xách, ôm, xách, vác, gánh, bưng, bê, khuân, chở, công, vục, diu dặt, quảy, khiêng..v..v...”

(Cực kỳ hơn cả cực kỳ)

(Nguyễn Triệu Việt – tạp chí Tân Văn)

Giai thoại làng văn

Buổi chiều, trong tiệm cà phê bánh mì Hòa Mã đường Cao Thắng tôi (Hoàng Hải Thủy) nghe Văn Thanh báo tin anh Chương đã chết, tôi đạp xe về nhà ở Ngã Ba Ông Tạ. Tôi nhớ một buổi tối chừng ba, bốn tháng sau ngày 30 Tháng Tư, tôi gặp Hoài Bắc Phạm Đình Chương trên đường này, chúng tôi ghé xe đạp lên vỉa hè đứng nói chuyện với nhau. Hoài Bắc kể:

- *“Trần Dần nhấn người vào nói với Vũ Hoàng Chương: “Thơ của anh, và thơ của anh Hùng không bao giờ mất được.”*

Anh Hùng đây là Đình Hùng. Và đúng như lời Trần Dần, thơ Vũ Hoàng Chương không bao giờ mất được. Hai mươi năm sau những tập *Thơ Mây, Thơ Say, Hồi Ký Ta* đã làm cho đời ta của Vũ Hoàng Chương ngang nhiên xuất hiện và chiếm những chỗ quan trọng trên những giá sách thành phố Sài Gòn.

(Hoàng Hải Thủy - Tháng Bảy vào thu mưa lạnh bay)

Tiếng Tàu tiếng ta

Trước 75, một nước bên Âu Châu nằm thấp hơn mặt nước biển có tên Holland mà ta gọi là Hòa Lan.

Nay người trong nước gọi là Hà Lan. Nhiều người nghĩ “hà lan” đúng hơn vì đất nước này có nhiều...nước.

Thực ra vì người Tàu dịch là Hà Lan.

(Phụ chú: Vì “hà lan” phát âm thành “hô làn”. Nếu dịch ra Hòa Lan thì người Tàu đọc là “Wò-Làn” nên...mất vui).

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Giai thoại bài thơ *Theo đuổi* của Hoàng Cầm

Một phóng viên trẻ tới thăm Hoàng Cầm kể lại chuyện này...

...Gặp tôi, nhà thơ Hoàng Cầm rất vui và mỉm cười: “Cậu có biết tại sao mình làm bài thơ *Theo đuổi* không? Tôi đang ngờ ngác, ông nói tiếp: “Khi làm bài thơ này, mình có nghĩ đến một bài thơ xem tướng phụ nữ của Trung Quốc. Đó là mấy câu thơ chữ Hán mô tả thế nào là tướng mạo của một người đàn bà đa tình...”

Hồng diện đa dâm thủy
Mi trường hộ tổ mao
Chiết yêu chân cự huyết
Trường túc bất chi lao

...Thực ra, lúc mới viết, mình chỉ nghĩ đến việc theo đuổi một cô gái đẹp sau đêm hội làng quê ra về:

Em ơi thử đếm mấy tháng giêng hai
Đêm hội Lim về đê quai rảo bước
Đuổi tà lụa nhạt
Ánh trăng đầm thắm đường sương
Ấy bởi thương em mái nhà um cỏ
Chim vào ra vách đứng cột ngời
Em về đồng chiêm đất rạn chân em

Em đi mưa ngâu nước ngập đồi chè
Hồ nghe đêm hội ới a

...Nhưng từ sau câu "*Em mi trường khép bóng*", những ý tưởng về những câu thơ trên kia hiện trong đầu, khiến mình liên tưởng đến ngay vấn đề tình dục, và đưa đến câu "*Lòng tay êm mát rừng tơ xa*". Có biết đến câu thơ trên mới hiểu ẩn ý của những câu này, tôi mi dài mà liên tưởng đến bàn tay được xoa ở chỗ khác:

Lại xót mắt *em mi trường khép bóng*
Lòng tay *êm mát rừng tơ xa*
Lại xót tay em đêm trường ru võng
Rừng chân mây chưa động sóng quê nhà

...Đến câu "*chân em dài*" đưa đến "*không biết mỗi*", rồi "*má em hồng lại nổi*" chuyển sang "*nước lụt mông mênh*", và "*lưng thon thon*" để "*cắm sào em đợi*", đã liên hệ đến mấy câu thơ xem tương ở trên:

Chân em dài đi không biết mỗi
Má em hồng lại nổi đồng mùa *nước lụt mông mênh*
Lưng thon thon cắm sào em đợi
Đào giếng sâu rồi đứng lấp vôi đầu xanh
Lý lý ới khát khô cả giọng
Tình tình ới chớ động màn thưa
Chìa vôi quệt gió hững hờ
Bờ ao sáo tắm bao giờ...hờ em?

Tiếng Việt rắc rối

Hỏi : Già đọc thành ngữ ca dao của người xưa còn hiểu dạng như "Cuối cùng mèo lại hoàn mèo". Tuy nhiên Già có một thắc mắc chuyện người nay:

Một người đàn ông có vợ hay có gia đình rồi mà lại đi có người tình khác thì mấy bà thường nói là "Thằng già *dê* ấy có...*mèo*". Tại sao lại *dê*, *mèo*, quý bạn hữu nào biết xin giải thích giùm.
Rất cảm ơn.

Đáp: Không biết luôn!

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Hoa nở...

Nếu cụ Nguyễn Du có câu "*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*" thì Tàu cũng có hai câu thơ cổ gần như tương tự:
"Đản sâu hoa hữu ngữ - Bất vị lão nhân khai".

Hiểu theo nghĩa là "*Nếu như biết nói, thì hoa sẽ buồn bã trả lời rằng hoa không muốn nở vìông già*"

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

Giá sách cũ thập niên 30

Nhà văn André Malraux và vợ là nhà văn Clara Goldschmidt ra “Một tờ báo tự do. Một tờ báo đối diện với mọi hình thức kiểm duyệt và đương đầu với mọi định kiến nói lên những lạm dụng quyền lực của chế độ thực dân Pháp với người Việt bị đô hộ”.

Ngày 17 tháng 6 năm 1925 số báo Đông Dương đầu tiên ra đời, tòa soạn đặt tại số 12 đường Tabert . Vợ chồng Malraux tự tay đi phát báo trên đường Catinat. Nhưng không đầy 50 số, báo Đông Dương bị thực dân đóng cửa.

André Malraux (*) trở về Paris, viết tiểu thuyết La Tentation de l'Occident, La Voie Royale, Les Conquistadors La Condition Humaine và đoạt giải Goncourt cao quý nhất nền văn học Pháp.

*(Phụ chú: * sau ông là Bộ trưởng Văn hóa chính phủ De Gaulle)*

(Thanh Hà – báo Sài Gòn Nhỏ)

Tiếng Việt, dễ mà khó

Để diễn tả tâm sự buồn nào đó dần dần giảm nhẹ đi, chúng ta hay dùng chữ "*nguôi ngoai*". Thật ra là "*nguôi hoai*".

Trong các từ điển cổ, "hoai" có nghĩa là phai nhạt. Nghĩa ấy, cho đến bây giờ chúng ta vẫn dùng trong chữ "phân đã hoai". "Nguôi hoai" là từ ghép chỉ sự phai dần của một nỗi buồn, một niềm đau.

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

Chỗ đặt

Từ Hoàng Cầm với bài thơ coi tướng đưa đến câu "*Lòng tay êm mát rùng tơ xa*". Thì chẳng thể không nhắc đến bài thơ *Chỗ đặt* của Mai Thảo trong tập *Ta thấy hình ta những miếu đền* dưới đây:

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào

Đỉnh chung

Đỉnh là cái vạc đựng đồ ăn và dùng chuông để gọi thực khách. Từ đó có cụm từ “miếng đỉnh chung” chỉ danh vọng, vinh hiển. Như "*Miếng đỉnh chung cho rõ mùi đời*" trong bài *Nợ tang bồng* của Nguyễn Công Trứ.

Thay đổi ngữ nghĩa

Có những từ ghép hoàn toàn mang gốc Hán, song người Việt thay hẳn một yếu tố nào đấy để dùng riêng.

Như Hán ngữ dùng *hộ sĩ* thì Việt Nam dùng *hộ lý* (*). Chúng ta dùng từ *họa sĩ*, Trung Quốc dùng từ *họa sư/họa công*.

*(Phụ chú: * trước kia ở Tàu cũng có từ "hộ lý" nhưng dùng chỉ vị quan cấp dưới thay thế vị quan cấp trên để giải quyết công việc lúc quan cấp trên vắng mặt).*

(Võ Ngân Vương - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Nồi kê

Câu “*giầu sang chưa chín một nồi kê*” hoặc quán mộng hay hoàng lương mộng dựa theo chuyện người Lữ Sinh đời Đường đến quán trọ nằm đợi chủ quán nấu nồi kê thì thiếp đi. Và nằm mơ thấy mình thi đậu, làm quan, về già đông con.

Rồi tỉnh dậy thấy nồi kê vẫn...chưa chín.

Ý chỉ đời người chỉ là giấc mộng kê vàng.

Giai thoại làng văn

Vũ Trọng Phụng lúc 18, 19 tuổi đã phải đi làm thư ký cho nhà in, kiếm mỗi tháng 12 đồng để về nuôi bà và nuôi mẹ. Vì không đủ sống, mà cũng vì thích viết văn, đọc báo, tối về nhà, anh viết truyện ngắn để bán cho tờ “Ngọ Báo” của Bùi Xuân Học và “Nông Công Thương” của ông Phạm Chân Hưng. Những truyện ngắn đầu tay của Vũ Trọng Phụng là những truyện “bực thầy”. Bây giờ nhắc đến anh, ai cũng nhớ đến “Số đỏ”, “Giông tố”, hay những phóng sự như “Cạm bẫy người”, “Kỹ nghệ lấy Tây”, mà ít có ai nhớ rằng Vũ Trọng Phụng nổi tiếng một thời là vì những truyện ngắn như “Chống nạng lên đường”, “Cái răng vàng”...

Phụng có một cái tài đặc biệt là không hề biết đánh bạc là gì, mà tập phóng sự đầu tiên viết cho báo “Nhật Tân”, anh dám đề cập đến vấn đề bạc bịp. Thực ra, anh cũng chưa hề quan sát một vụ “*đánh bớ*” bao giờ, nhưng anh viết như một người đánh bạc thông thạo nhất, đó là nhờ một người anh là ông Trường Tạo, cũng ở phố Hàng Bạc, nói chuyện lại để cho anh viết.

Cũng thế, đọc “Số đỏ”, ai cũng tưởng Phụng là một tay ăn chơi sành sỏi mà lại “*đều*” là khác nữa, nhưng sự thật trái ngược hẳn: trong tất cả anh em quen biết, Phụng có lẽ là người “*chân chỉ hạt bột*” nhất, hiền lành nhất mà tương đối cũng là đạo đức nhất. Tiêu pha hay chơi bời gì, anh tính toán từng đồng xu, không phải là vì keo, nhưng chính vì anh phải đứng mũi chịu sào lo cho cả nhà, trong đó có một bà nội góa và một bà mẹ góa, đồng thời lo sao để dành dụm được ít tiền lấy vợ, hầu có con nối dõi.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Viết và nói tiếng Việt

Giáo sư Cao Xuân Hạo là nhà ngữ học ở Hà Nội đã viết nhiều bài về tình trạng “*Viết và nói tiếng Việt*”. Tiếng Việt và tiếng “Hán-Việt” bị sử dụng sai nghĩa, sai ngữ pháp như:

Đào ngũ: Từ này vốn không có, mà do đọc sai từ *đào ngũ*, nghĩa là bỏ trốn khỏi quân đội trong khi đang tại ngũ. Cho đến nay, vẫn còn nhiều người mắc lỗi thô thiển này.

Thực sự - thực thụ : Thực sự có nghĩa là đích thị như vậy, không phải là giả. Thực thụ nghĩa là đã chính thức nhận cương vị, nhiệm vụ hay chức trách của mình, không còn là tạm thời nữa. Một giám đốc thực thụ là một giám đốc đã chính thức nhậm chức.

Không ít người thường dùng từ *thực thụ* theo nghĩa *thực sự*.

Tục ngữ Tàu

Thượng sàng phu thê, hạ sàng quân tử

(Lên giường là vợ chồng, xuống giường là quân tử)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Cội nguồn tiếng Việt

Trong ngôn ngữ thì mỗi tiếng phải có một nguồn gốc nào đó mà sinh ra... Vì vậy ta cần phải phân biệt rõ nguồn gốc của từng tiếng một nếu có thể được mà ta gọi là etymon (ý nghĩa lúc đầu).

Thí dụ tại sao ta lại nói:

“Đau *đớn*” với *đớn* là gì?

“Đẹp *đẽ*” thì *đẽ* là gì?

“Bến *lển*” với *lển* là chi?

Thật ra khi ta nói tiếng của ông bà ta để lại, ta không hiểu gì cả! Mà ông bà ta khi xưa, họ nói họ có hiểu không? Xin thưa ngay là các cụ hiểu tất. Bằng chứng là hiện nay có rất nhiều tiếng nói cùng một gia đình ngôn ngữ với ta, ở xung quanh tiếng Việt, như tiếng Khmer, Lào, Thái, Chàm, Miến Điện, Indonesia...v.v.. Họ nói tiếng nào là họ hiểu ngay ý nghĩa của tiếng đó, còn ta thì không!

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

Chén quan hà

“Quan hà”: quan là cửa ải, hà là sông.

“Chén *quan hà*” nghĩa chén rượu tiễn qua *quan ải và sông*.

Chữ nghĩa làng văn

- Gà *qué*: qué là tiếng cổ.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Ta về ta tắm ao ta

Dù trong dù đục vẫn là...cái ao

Văn học cổ

Văn học cổ viết bằng tiếng Hán: *Kiến văn tiểu lục* (Lê Quý Đôn), *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ), *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn), *Hịch tướng sĩ* (Trần Hưng Đạo), *Bình ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi) *Văn tế trận vong tướng sĩ* (Nguyễn Văn Thành).

Văn học cổ bằng tiếng Nôm: *Đoạn trường tân thanh* (Nguyễn Du), *Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tụ), *Nhị độ mai* (Khuyết danh), *Bích câu kỳ ngộ* (Vũ Quốc Trân), *Lục vân tiên* (Nguyễn Đình Chiểu).

(Tạ Quang Khôi – tạp chí Tân Văn)

Ca dao trữ tình

Chuối khoe chuối hãy còn trinh

Chuối ở một mình sao chuối có con?

Chữ nghĩa khó khăn

Hỏi : “*Tử sĩ* sờ đầu rùa, đi lễ để cầu may” là họ đi coi bói ở Văn Miếu lấy hên phải hôn? Ai biết làm ơn chỉ dùm nhen.

Đáp : “*Sĩ tử* sờ đầu rùa...” cha nội.

Hiểu rồi, cảm ơn vì *sĩ* là sĩ diện. Còn *tử* là thừa chết thối sống.

Sĩ tử chỉ vì sĩ diện mà nhào dzô thi đại! Dễ ẹc.... 🤔

(Trau giòi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Giấc Nam Kha

Giấc Nam Kha kể chuyện Lý Công Tá cũng người đời Đường. Trong lúc say rượu ngủ mơ thấy mình đậu cao, được vua gả công chúa cho. Lại được làm thái thú đất Nam Kha, Lúc tỉnh dậy thấy ổ kiến dưới gốc cây hòe. Bèn nghĩ tổ kiến chính là đất Nam Kha.

Giấc phù sinh Nam Kha còn gọi là giấc hòe.

Trong dân gian người Việt cũng có chuyện tương tự như Lý Công Tá nằm mơ rồi làm quan, giàu sang phú quý.

Ấy là ông Trọng Lợn.

Truyện cực ngắn - Tiếng ve

Tôi đã sống qua bao mùa hạ, vẫn không hiểu được tiếng ve kêu.

Chữ nghĩa thập niên 20

Xuân mộng – Nói về giấc mộng diễm tình vào mùa xuân. Đường thi có câu “*Xuân tiêu nhất khắc tri, thiên kim*”, nghĩa là đêm xuân một khắc đáng giá ngàn vàng

Xuân mộng còn dùng lẫn nghĩa với chữ “*xuân mộng bà*” như giấc mộng hoàng lương.

Một hôm, ông Tô Thức đi thăm đồng, gặp một bà lão trên 70 tuổi ở ngoài ruộng. Bà nói rằng: bao nhiêu công danh của cụ trước, có phải nay xem như giấc *xuân mộng* chăng?. Ông bảo: phải lắm. Từ đó người ta gọi bà ấy là “*Xuân mộng bà*”.

(Tôn Thất Lương – Xuân Mộng)

Giai thoại làng văn

Chính nhờ được gần gũi các cụ, tôi (Vũ Bằng) học thêm được ít chữ nho trong thời đó. Nói là học chữ nho cho oai, chứ thực ra bao nhiêu chữ học được lúc lên 10, 11 tuổi, tôi đã trả lại hết cho các bậc thánh hiền ngay khi cấp sách học “*a b c dất dê đi ã*”.

Học chữ nho là tôi muốn nói học mót chữ nho, những chữ học dớ dả dẩn, hoặc nghe lỏm được, mà suốt đời tôi không quên:

- Đại khái như chữ “*kích thích*”, cụ Sở Bảo chữa là “*khích thích*”.
- Nói *áo mộng* là sai, chính ra phải nói là “*huyền mộng*”.
- Chia buồn với nhà người ta có đàn bà qua đời thì phải viết “Xin cầu chúc cho “*hương hồn*” bà (hay cụ) phiêu diêu nơi cực lạc”.
- Nhưng nếu là đàn ông mà viết như thế, người ta cười cho thối óc, phải viết là “cầu chúc cho “*anh hồn*” ông... mới đúng.

Có một chữ mà cụ Tú Nguyễn Đỗ Mục bảo tôi, nhưng đến bây giờ tôi vẫn bán tín bán nghi, không biết sai hay đúng. Chữ đó là *công nhận*. Theo cụ Tú Mục, một người chỉ có thể nói là *nhận, thừa nhận*, và chỉ khi nào có *nhiều người* mới có thể dùng chữ công nhận mà thôi, ý giả muốn hiểu rằng chữ công đây chỉ một số đông. Nhưng người khác cho rằng nói như thế là hiểu sai chữ công, công nhận cũng như công tâm, công bằng; công nhận tức là nhận một cách thực tâm, nhận một cách đầy thiện ý.

Đại khái, tôi học lỏm chữ nho của các cụ như thế đó.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Giàu sang, tế nhị

Tôi cảm thấy thấm thía cái giàu sang, cái tế nhị của tiếng Việt:

- Tôi *chẳng cần*! (có thể cần, mà không cần),
- Tôi *bất cần*! (không thêm cần tới).

Chúng ta đã mượn chữ Tàu để Việt hóa chữ đó để thổi vào chữ đó một sắc thái khác. Nói tóm lại, chúng ta đã đồng hóa những chữ ngoại lai để phong phú hóa tiếng Việt.

Nói về tế nhị, trong văn chương thế giới hình như không nước nào có được chữ “ai” của ta. Và “nghìn” và “ngàn”: “*nghìn*” như *đi vào chiều sâu*, “*ngàn*” như *tỏa ra chiều rộng*.

G.Meillon người Pháp cho rằng tiếng Việt là thứ tiếng vừa văn chương vừa giàu nhạc điệu nhất thế giới. Một người Pháp có nói rằng chỉ cần nghe câu đầu bản dịch bài *Ti Bà Hành* cũng đủ biết là đôi bạn đã tiễn đưa nhau tại một bến sông, ta cứ việc theo nhịp điệu xô dồn của câu thơ mà vẽ thành hình ảnh chiếc thuyền bằng... âm thanh.

(Doãn Quốc Sỹ - Người Việt đáng yêu)

Gạch ngang giữa hai chữ kép

Trước kia các nhà văn, như trong nhóm "Tự Lực Văn Đoàn" đều viết có gạch ngang (-) danh từ kép, ví dụ : tiền-nhân, dân-quốc...

Hiện tại, cũng những danh từ kép đó, mà lại các nhà văn viết không có gạch ngang.

Xin hỏi:

Tại làm sao có những thay đổi gạch ngang như vậy? Và sự thay đổi đó phát hiện ra lúc nào? (vào khoảng năm nào?).

Ai hiểu rõ, xin chỉ giáo dùm. Cám ơn trước.

Đáp : Gạch ngang chứ không phải là gạch...ngang!

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Giai thoại làng văn

Tôi đến thăm Nguyên Hồng ở nhà. Ông nói: “*Chỗ này giống hệt như nơi ngày xưa tôi viết Bỉ vỏ*.”

Chỗ viết *Bỉ vỏ* như thế nào? - Đây, ông viết trong lời *Tựa* : “*Bỉ vỏ đã viết xong trên một cái bàn kê bên khung cửa trông ra vũng nước đen ngầu bọt của một bãi đất lấp dờ dang và một chuồng lợn ngập ngụa phân tro. Bỉ vỏ đã viết xong trong một căn nhà cứ đến chập tối là ran lên tiếng muỗi và tiếng trẻ con khóc...*”.

Có lẽ số Nguyên Hồng thế thật. Sống cũng khổ, chết cũng khổ. Khi Nguyên Hồng chết, nhà còn có năm bơ gạo, một con gà nhỏ. Trong túi còn đúng 20 đồng. Hàng xóm cho vay cổ quan tài. Nguyên Ngọc báo anh em lên đưa ma, nói, Nguyên Hồng nghèo lắm đấy, không có gì thết đãi đâu.

Chưa làm điều văn vội, Nguyên Ngọc trước lo chạy lên tỉnh, lên huyện, lên đảng uỷ xã bàn với họ cho tiền, cho lợn, cho gạo để làm ma. Hôm đưa ma Nguyên Hồng, tôi không lên được. Ngô Thảo có tả quang cảnh đám ma thật là tội nghiệp: xe tang từ trên đồi đi xuống dốc, phải hò nhau đẩy trở lại làm phanh. Phường kèn toàn là thương binh cụt tay cụt chân... Phải là thương binh mới được vào hội kèn, ăn công điểm của hợp tác xã.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Sinh làm thế kỷ

Câu “sinh làm thế kỷ” ngoài trong thơ Vũ Hoàng Chương, còn thấy trong bài viết *Chén rượu vĩnh biệt* khi Nguyễn Tuân nói chuyện với Tản Đà: “Tiên sinh...sinh làm thế kỷ.”

Cội nguồn tiếng Việt

Cách đây hai năm, trong một cuộc phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ, họ bảo tôi (Nguyễn Hy Vọng) về dạy chữ Tàu cho học trò trung học ở bên ấy để hiểu thêm tiếng Việt!.

Tôi bảo họ: “Cũng được thôi, học được cái gì hay cái ấy, nhưng phải hiểu rằng, các anh học tiếng Tàu mười đời đi nữa thì chỉ biết tiếng Tàu thôi. Còn tiếng Việt thì khác vì giữa tiếng Việt và tiếng Tàu khác nhau như con quạ với con sáo.

Họ không hiểu và muốn tôi đưa ra một vài thí dụ thì tôi bảo:

“Có ngay, tôi chấp một ngàn triệu người Tàu và mấy trăm ông học giả Hán Việt ở bên đó là sau khi học tiếng Tàu đến bạc đầu có hiểu được “sạch sẽ” với **sẽ** là gì không, “xuề xòa” với **xòa** là gì không, “lôi **thôi**” với **thôi** là gì không?”.

Nếu ai, nếu nhờ học thêm tiếng Tàu mà hiểu nghĩa được mấy ngàn tiếng Việt thì tôi sẽ xin đi đầu xuống đất ngay”.

Họ thôi không đòi..”hiểu” nữa, và cái đầu tôi vẫn còn nhìn lên trời.

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

Chữ nôm

Cái ý mượn chữ Hán để viết tiếng Việt rất có thể xưa hơn Bồ Cái Đại Vương nhiều, chẳng hạn ngay từ đầu thời Bắc thuộc. Nhưng trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại nhân cai trị, làm sao nó phát triển được? Nếu ta không giành lại được độc lập, rốt cục ngay chính cái tiếng nói của ta cũng phải mất, nói chi đến một cái cách viết. Trong tư cách một phát minh, chữ nôm thật khó ca ngợi. Tuy vậy, đối với văn học Việt Nam nó vẫn có công to. Có nó chắc chắn vẫn hơn không! Chữ nôm là thứ chữ hoặc dùng nguyên hình chữ nho hoặc lấy hai ba chữ nho ghép lại, để viết tiếng Nam.

Chữ nôm đặt ra tự bao giờ và do ai đặt ra, đó là một vấn đề còn trong nghi vấn. Nhiều người thấy sử chép: Hàn Thuyên là người bắt đầu biết làm thơ phú bằng quốc âm, vội cho rằng chữ nôm cũng đặt ra từ đời ông, nghĩa là vào thế kỷ thứ XIII đời nhà Trần. Đó là một sự sai lầm, vì sử không hề nói ông đặt ra chữ nôm.

Hiện nay, gốc tích chữ nôm, chỉ có hai điều sau này là xác thực:

1. Theo sử chép, cuối thế kỷ thứ VIII (năm 791), Phùng Hưng được dân tôn lên là “Bồ Cái

đại vương". Hai chữ *Bổ Cái* là tiếng Nam thuần túy.

2. Người ta đã tìm thấy ở Hộ Thành Sơn thuộc tỉnh Ninh Bình một tấm bia đề năm 1343 có khắc hai mươi tên làng bằng chữ Nôm.

(Dương Quảng Hàm - Việt Nam văn học sử yếu)

Mưa phùn, mưa bụi

Một đài phát thanh nói về thời tiết như sau: “Cuối tháng 6 nam Ca li có mưa phùn lất phất”.

Mưa phùn là mưa cuối đông sang xuân như gió bắc mưa phùn.

Còn cuối xuân sang hè mưa nhẹ hạt và dày gọi là *mưa bụi*.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Thơ ta, thơ Tàu

Bài *Trăng nước Hồ Tây* của Dương Khuê có những câu:

Phát phơ ngọn trúc *trăng tà*

Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói sóng ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

Bài thơ trên đã chịu ảnh hưởng bài *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế:

Nguyệt lạc, ô đê, sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Cả hai bài thơ tức cảnh sông hồ, một phương Bắc, một phương Nam, một Ta, một Tàu, vô hình chung cùng âm hưởng, âm điệu, đôi cảnh đối chữ như: *trăng tà* với *nguyệt lạc*, qua *canh gà* với *ô đê*, đến *tiếng chuông* với *chung thanh*. Âm hưởng, âm điệu thì đối *mịt mù khói sóng* với *giang phong ngư hỏa*. Về tác động địa danh thì: *Thọ Xương - Cô Tô* tới *Trấn Võ - Hàn San*.

(Trương Quang – báo Ngày Nay)

Giá sách cũ thập niên 20

Những nhật báo và tạp chí vào thập niên 20 và 40 là:



Gia Định Báo (Trương Vĩnh Ký 1869), Nông Cổ Mĩn Đàm 1900, Nam Phong Tạp Chí (Phạm Quỳnh 1917), Đông Dương Tạp Chí 1913, An Nam Nouveau, Trung Bắc Tân Văn, Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo, Đăng Cổ Tùng Báo 1909, Lục Tỉnh Tân Văn và Trung Bắc (Nguyễn Văn Vĩnh), Văn Học Tạp Chí (Dương Bá Trác), Hồn Nước Nam và Duy Tân (Lãng Nhân Phùng Tất Đắc), An Nam Tân Văn (Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu - bí danh Nguyễn Khắc Khử), Đông Tây (Phùng Tất Đắc), Nông Công Thương (Phạm Chân Hưng), Đông Pháp (Ngô Văn Phú & Hoàng Hữu Huy), Trung Bắc và Trung Bắc Chủ Nhật (Nguyễn Văn Luận), Tiếng Dân (Huỳnh Thúc Kháng), Đồng Minh (Nguyễn Hải Thần), v..v..

Dân Mới (Chu Mậu) - Nhựt Tân (Đỗ Văn Mặc), Thực Nghiệp (Mai Du Lâm), Duy Tân (Nguyễn Đình Thấu), Khai Hóa (Bạch Thái Bưởi), Nông Công Thương (Phạm Chân Hưng), Ngọ Báo, Việt Báo (Bùi Xuân Học), Công Dân (Tiết Như Ngọc), Tân Xã Hội (Trần Đình Long), Vịt Đực (Tam Lang Vũ Đình Chí), Tân Thiếu Niên (Trần Tấn Thọ), Ích Hữu, Truyền Bá, Phổ Thông Bán Nguyệt San & Tiểu Thuyết Thứ Bảy (Vũ Đình Long), Báo Mới & Trung Bắc Chủ Nhật (Phạm Lê Bồng), Bình Minh (Nguyễn Giang & Phan Quang Đán), Việt Nam (Trần Văn Tuyên), Tân Thiếu Niên (Trần Tấn Thọ), Tiểu Thuyết Thứ Năm, Hà Nội Báo (Lê Trảng Kiêu), Hữu Thanh, Nhựt Tân, Tương Lai, Phụ Nữ Tân Văn, Việt Nữ...

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Tiếng Việt vừa dễ vừa không dễ

Hỏi : Minh Châu thường nghe nói như sau:

Hai mươi năm (25) hay mười lăm (15).

Vậy khi thấy con số 55, Minh Châu đọc là năm mươi năm thì có đúng không? Hay phải đọc là năm mươi lăm...? Con số 5 đứng một mình, tại sao không đọc là số năm?

Thuốc lá 555 chẳng lẽ đọc là năm trăm năm mươi năm sao?

Chỉ con số 5 thôi mà khó hiểu quá đi, thân mến.

Đáp : Chỉ có 1 vài địa phương ở Bắc mới đọc là “*nhăm*”.

Từ hằng chục trở lên chỉ có số 5 cuối đọc là “*lăm*” hay “*nhăm*” 😊

5 = năm

15 = mười lăm

x5 = hai mươi năm , ba mươi năm...chín mươi năm

555 = như thuốc lá 3 số 5

(Trau giòi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Mai tứ quý

Ở miền Nam có mai tứ quý, còn có tên khác là mai *Trường An*.

Tích Lục Khải làm quan ở Giang Nam, nhân lính trạm mang thư tín về Trường An, ông bẻ một cành mai mang về cho bạn là Phạm Việt và đề thơ “*Giang Nam vô sở hữu – Liễu tặng nhất chi mai*”.

Chữ nghĩa làng văn

Nó tên tò, sợ vãi đái, nhịn như nhịn cơm sống. Lâu lâu gặp một bà Bắc kỳ đặc dùng lại nghe cũng sượng cái lỗ tai. Như : *ăn phải đũa, ăn cơm khoán, ăn cơm tứ chiếng, ăn chực.* Nào là *bữa lưng bữa vục, rồi bà thổ ra, chả mấy khi...*

Lại tiếp một lô chữ nữa ghi lại kéo quên : *cứ chỗ mồm vào, le te chạy vào, bà đã mà cả mà cập, rõ mồn một, về muộn mấy, vào chơi cái đã nào, quái nhỉ, tối bức như lò than, người con*

gái trắng lôm lốp, con đi đàng này, đàng này là đàng nào, thờ rít lên như tiếng bễ, gà gà mắt lên như người say thuốc Lào, ông đã diện oách, một tay bốc trời, cài toàng xong, đi húi tóc, đi bồm đầu..

Rồi đến : châm đóm, thông điếu, xe điếu, nỏ điếu, quán đồ đèn suốt sáng, bắt rận, bắt chấy, cứ bỏ rẻ, ta nhảm vài miếng, bà ấy hay óm lừng, chẳng biết đâu mà lần, tôi chạy ù xuống bếp, thảng chạp còn gọi là thảng củ mật (thảng trộm cướp như rươi), mời ông đưa cay, những ngày rau lụi (hiêm rau), giỗ sống rồi, nói không ngoa, được mấy nả, phân đầu gà má lợn , hôn nhân điển thổ, vạ cổ chi thù, thế là cách không ai dám hỏi, cách đến già...

Thằng cù

Ngoài Bắc có câu:

“Thế nhân đãi kẻ khù khờ”.

Trong Nam cũng có câu tương tự:

“Lù khù có ông cù độ mạng”.

(Ông cù là ông cù lần chăng?)

Tục ngữ Ta và Tàu

Được voi đòi tiên, được con em thêm con chị

Thời lai vận lai, thảo lão bà đơi cá nử nhi lai
(Thời đến vận đến, đòi vợ mang luôn con gái đến)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Dấu chấm không đơn giản

Sau dấu hai chấm (:)...

Có trường hợp viết hoa. Có trường hợp viết thường.

Lắm khi rơi vào tình trạng..."chín người... mười ý".

(Nguồn : e-cadao.com)

Trích...“Tập làm văn”

Đề: Hãy tả cụ già mà em rất kính yêu.

(Dưới đây là từng đoạn của mỗi em tùy theo lớp)

1/ - Hình dáng của bà nội rất là thấp, được hai mét rưỡi dáng đi rất chậm chạp, mắt thì lờ lờ ít thấy gì nữa. Tính tình cụ già rất là bực bội. Khi bà nội cười liền nhe mầm răng ra còn được ba bốn cái gì mà thôi.

2/ - Con mắt của bà tròn như hòn bi, mũi có hai cái lỗ, cụ già có hai cái tai, tóc của bà đã bạc phơ. Cổ ngắn gọn, thân của bà 2, 3 thước, bà có hai cái tay, có hai cái chân.

3/ - Bà 40 tuổi. Hình dáng bình thường, chiều rộng ba mươi, chiều cao một mét sáu. Khi cười miệng bà móm mém như miệng cái hổ.

4/ - Khuôn mặt ông bầu bĩnh, đôi mắt ông như mắt bò câu trắng, dáng đi của ông rất hoang thai và cái miệng của ông như trái tim rất mãnh liệt.

5/ - Ông của em dài bằng 1 mét và không mập.

Biến đổi trong tiếng Việt

Ngôn ngữ không ngừng thay đổi theo thời gian, phát triển và thích nghi với đời sống của người sử dụng ngôn ngữ. Trong một bài biên khảo về sự biến đổi của tiếng Việt, cố giáo sư, học giả Lê Ngọc Trụ viết:

“Tiếng nước nào cũng có dòng sinh mệnh, sống, biến thái để tiến hóa về âm lẫn nghĩa. Và có lúc lại điêu tàn, hoặc hồi sinh để dùng vào một nghĩa khác”.

Nhận xét này thì các nhà ngữ học cho rằng ngôn ngữ phát triển theo quy luật tự nhiên. Dù bất cứ ở nơi nào, thời điểm nào, tất cả mọi ngôn ngữ phải trải qua các giai đoạn:

“Nảy sinh, trưởng thành, hưng vượng, suy tàn và diệt vong”.

Nhưng ngôn ngữ không bao giờ bị hủy diệt hoàn toàn vì:

“Ngôn ngữ luôn luôn kế thừa cái cũ và phát triển cái mới”.

(Nguyễn Hữu Trí – Sự biến đổi từ vựng...)

Chữ Tàu, chữ Ấn Độ

Hỏi : Thân ái chào các bạn, nhờ các bạn chỉ giáo tự đâu có từ:

- " *Anh Ba* " (tàu)

- " *Anh Bấy* " (chà)

Hông biết có "anh hai", "anh tư", "anh năm" v.v. hông ? Xin đa tạ.

Đáp : Để tui dzia tui hỏi tía tui à nha...

(Trau giò tiếng Việt - ĐatViet.com)

Giai thoại làng văn

Cho mãi đến lúc tờ “Đông Tây” đóng cửa, tôi vẫn chưa được biết Tây Xì Đái Đức Tuấn. Nói trộm vong hồn anh, qua những bức tranh nhái truyện Kiều in trên báo “Đông Tây” và mấy bài thơ, tôi rất lấy làm “bực” Tuấn. Vẽ cái gì mà nguệch ngoạc, nét chẳng ra nét, lờ lờ chẳng ra lờ. Đến cái tên ký thì lại càng chướng quá:

Tê-chi-a là cái móc gì? (TchyA): Tây chẳng ra Tây, Tàu chẳng ra Tàu, có lúc tán ra là “Tôi chẳng yêu ai”, có lúc lại bảo “Tôi chỉ yêu Angèle”. Còn cái anh Trần Quang Trân ký Ngym là Người yêu mẹ (hay Người yêu mình) hoặc Vũ Trọng Phụng trong Số Đỏ “típ phờ nờ” (Typn có nghĩa là “Tôi yêu phụ nữ”)...

Đái Đức Tuấn, ngay từ buổi đầu gặp gỡ, đã hoàn toàn chiếm được cảm tình của tôi. Là một tham tá trẻ măng làm việc ở sở Học Chánh, Tuấn là một nghệ sĩ tuyệt vời, tài hoa đến chân lông kẽ tóc, tài hoa một cái tài hoa thiên nhiên chớ không nhân tạo một ly nào. Ngay từ lúc đó, Tuấn đã mê thơ Lý Bạch, nhứt là hai bài “Hoàng hạc lâu” và “Tương Tiến tửu”. Và dường như thấm nhuần tính tình phóng túng trong thơ ca họ Lý.

Những lúc ấy, tôi không nhớ tới những chuyện như “Thần hổ”, “Tiếng ai khóc trong rừng khuya”, tôi không nhớ tới bao nhiêu truyện ngắn của Tây Xì Đái viết cho báo mà chỉ nhớ đến hai bài thơ dịch, một bài là “Hoàng hạc lâu”, và một bài là “Tương Tiến tửu”.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chim khôn chim đậu cành cao

Bướm khôn bướm đậu ngay vào đầu chim

Tiếng Việt trong sáng

“Cụm từ” và “nhóm từ”, người trong nước ghép chữ không theo quy luật nào cả như râu ông nọ cắm cằm bà kia. Vì từ Việt phải đi với Việt (cụm, nhóm), từ Hán phải đi với Hán (từ).

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Hủ qua

Ca dao có câu:

*Hủ qua xanh, hủ qua trắng
Hủ qua mắc nắng hủ qua đèo
Thương em, thì anh làm giấy giao kèo
Lăn tay điểm chỉ mới thiệt con mèo của em*

Hủ qua đây là mướp đắng. Miền Nam gọi là khổ qua.

(Phụ đính: khổ qua là từ Hán)

Lộn

Lộn là lầm, là sai, là không đúng.
Nhưng “đánh lộn” là đánh...đúng. Chứ không...sai.
“Cãi lộn” là cãi lung tung. Không phải là cãi...*lầm lộn*.

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

Sách Tàu

Đời xưa, khi nói tới học rộng, người ta thường ví là học hết năm xe sách. Thực ra, cái năm xe mà người Trung Hoa nói tới là năm xe chở những thanh tre, thanh gỗ kết với nhau. Những thanh tre đó có viết chữ và đó là sách của người xưa.

Chữ “sách” của người Tàu nay vẫn còn dùng là một tượng hình của loại sách đó. Và nếu thế, năm xe sách có lẽ cũng chỉ bằng vài chục cuốn sách của chúng ta ngày nay.

Tre được cắt thành từng phiến đều đặn, cật (tức phần ngoài cùng) được cạo đi rồi đem hong lửa cho cháy mỡ hôi (hãn thanh) và ám khói ngõ hầu ít bị mối mọt. Người ta sẽ khắc hay viết bằng bút lông trên các thanh tre này và buộc lại thành sách. Một cuốn sách kiểu đó không những đã cồng kềnh, nặng nề mà lại chẳng viết được bao nhiêu. Chính thế mà cổ nhân viết hết sức cô đọng và hàm súc, lời thật ít mà ý thật nhiều chứ không dài dòng như chúng ta ngày nay.

Người Việt sửa thơ Tàu

Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) quê Vĩnh Định, An Giang, đỗ thủ khoa thi Hương tại trường thi Gia Định.



Thủ khoa Nghĩa nổi tiếng là người hay thơ, một hôm trong lúc nhàn đàm chuyện văn chương, cầm tập thơ *Đường thi tam bách thủ* đọc lên bài *Nhân gian tứ hỷ*:

Cửu hàn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bảng quải danh thì

Dịch nghĩa là “*Hạn lâu gặp mưa rào, xa quê gặp bạn cũ, đêm động phòng hoa chúc, bằng vàng đề tên*”. Mọi người khen hay, nhưng Thủ Khoa Nghĩa lắc đầu vì chưa hẳn là hay nếu thêm mỗi câu đầu 2 (hai) chữ:

Thập niên cửu hàn phùng cam vũ
Thiên lý tha hương ngộ cố tri
Hòa thượng động phòng hoa chúc dạ
Mộc nho kim bảng quải danh thì

Thủ Khoa Nghĩa dẫn giải: “*Mười năm nắng hạn mới gặp mưa rào, xa quê ngàn dặm gặp bạn cũ, nhà sư có được đêm động phòng hoa chúc, và học trò đốt đi thi bằng vàng đề tên*” ...thì hay hơn.

(Trương Quang – báo Ngày Nay)

Cái và con

Cái gì có chân mà không có đầu: *Cái ghế*
Con gì có đầu mà không có chân: *Con chim*

Văn hóa ẩm thực: quán Bà Cả Đọi

Khách nhìn món ăn rồi chỉ. Ấy là quán cơm chỉ đầy hương vị Bắc kỳ, những bát canh rau đay nấu cua, đĩa cà pháo chấm mắm tôm, đĩa dưa cải chua, đĩa thịt đông, đĩa rau muống xào, đĩa đậu rán...

Tên nguyên thủy là quán Bà Cả Đại (người làng Đồng Nhân). Ban đầu ở Chợ Cũ, sau về con hẻm đường Nguyễn Huệ. Theo giai thoại vì khách đến ăn thường là nghèo và “đói” nên Bà Cả Đại được Nguyễn Thụy Long gọi chệch đi là...Bà Cả Đọi.

(Trà Lũ – báo Thời Báo)

Chữ nghĩa trong câu đối

“Xuất đối dị, dị đối nan” hiểu theo nghĩa là “*ra đối dễ, đối lại khó*” như dưới đây:

Thầy lang “băm” thầy lang băm, thầy lang băm “hăm” băm thầy lang - Ông thầy “hù” ông thầy hù, ông thầy hù “chù” hù ông thầy.

Người làm nghề “đề đầu đề cổ thiên hạ” ngoài Bắc gọi là phó cạo.
Trong Nam kêu là thầy hù.

Theo Vương Hồng Sển ngoài cắt tóc còn lấy ráy tai, người cắt tóc thối “..hù..hù..” (tiếng Bắc: phủ phủ) quanh vành tai để cứt hay ráy tai bay ra nên được gọi...*thầy hù*.

(Nguyễn Kiến Thiết – báo Thời Báo)

Văn hóa ẩm thực: cơm Âm phủ

Cơm Âm phủ ra đời đầu đó vào năm cuối của đệ nhị thế chiến 1914-1918 do ông Tống Phước Kỳ là chủ. Đó là một loại cơm đĩa thập cẩm trộn đủ thứ được xắt nhỏ như nem, chả, thịt nướng, tôm chấy, thịt heo, dưa chuột bóp với chén nước mắm pha loãng.

Một phần vì có người cho là món xà bần của những thứ hàng rong Huế bán ế còn lại và ông Tống Phước Kỳ mua rẻ, xắt nhỏ trộn với cơm cho những người đi đêm về khuya.

Một phần khác nữa vì quán dựng lên ở mảnh đất hoang vu, tên là Đất Mới, vùng ngoại biên hẻo lánh của phía đông Tòa Khâm. Quanh Dinh có đồn lính Tây, lính khổ xanh, khổ đỏ, lính tập, lính kèn. Do đó khu Đất Mới trở thành xóm Bình Khang có nhiều nhà chứa gái làng chơi. Thế nên ông Bửu Thụ có câu thơ:

[Muốn ăn cơm đĩa trữ tình](#)

[Có quán Âm Phủ, mà rình phía trong](#)

Trong không khí đêm khuya, đèn đuốc hiu hắt của một quán bình dân ở một vùng không có nhiều cột đèn điện vào đầu thế kỷ...Nên khách hàng đặt tên là: cơm Âm phủ.

(Lê văn Lâm – Xưa và nay)

Tiếng Việt khó khăn

Có người cho rằng tiếng Việt phát âm khó khăn quá, như câu dưới đây:
- *Nguyễn Tuyển chuyên quyền huênh hoang.*

Hoặc giả như âm “oay” đọc và nghe như muốn “oải” rồi với 8 từ:
“loay hoay”, “hí hoáy”, “ngoáy”, “xoay”, “khoáy”, “toáy”.

Và vần “uay” với “quay”, “quây”, “quấy”, “quấy”, “quây”, “quấy”.

(Đỗ Quang Vinh - Tiếng Việt tuyệt vời)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Nhận được thư em lúc nhá nhem
Mừng mừng tủi tủi mờ ra xem
Trong thư em viết dăm ba chữ
“Anh ơi ngày mai “nó”...lấy em!!!”

Biến đổi từ vựng trong tiếng Việt

Sự biến đổi của ngôn ngữ là hiện tượng tự nhiên bởi lẽ bản chất của nó là đổi mới. Nhưng không tạo ra ngôn ngữ mới mà chỉ hoàn thiện những cấu trúc và chức năng đã

có... Một hiện tượng bình thường như vậy có ảnh hưởng đến ba bộ phận cấu thành một ngôn ngữ:

- *Ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng.*

Hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ biến đổi chậm và không đều. Trong khi hệ thống ngữ pháp biến đổi chậm nhất.

So với ngữ âm và ngữ pháp, bộ phận từ vựng phát triển nhanh nhất và nhạy cảm nhất. Vì nó gắn liền với những biến đổi trong tư duy của con người.

Vì vậy những từ ngữ mới luôn luôn xuất hiện nhằm đáp ứng sự nhận thức và tư duy của chúng ta.

(Nguyễn Hữu Trí – Sự biến đổi từ vựng...)

Chữ nghĩa Bắc - Nam

Hỏi :

- Con lợn khác con heo ở chỗ nào?

Đáp :

- Con heo ăn *bắp* còn con lợn ăn... *ngô!*

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Truyện cực ngắn hay truyện chớp: Vưu vật

Từ đó về sau, mỗi lần đi tắm, Tiên Dung lại ra lệnh Chử Đồng Tử cỡi trườn nằm ngửa dưới lớp cát ngay nơi nàng xối nước.

Nguyễn Du sinh năm nào?

Xưa nay có nhiều thư tịch, văn bản đưa nhiều giả thuyết về năm sinh của Nguyễn Du nhưng tựu trung ở hai năm 1765 và 1766. Vậy thực tế Nguyễn Du sinh năm nào?

Theo Nguyễn Lộc "Từ điển Văn học" Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Sinh năm Ất Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng. Có tài liệu ghi ngày sinh của Nguyễn Du là 23 tháng Mười một, tính ra Dương lịch là 03.1.1766. Quê Nguyễn Du ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh, nhưng lại sinh ở Thăng Long, và thời niên thiếu cũng ở Thăng Long...".



Trong tác phẩm "Truyện Kiều và hiện thực", Lê Đình Ky lại viết: "Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng giêng năm 1766 tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình

đại quý tộc và có truyền thống khoa cử lâu đời. Họ Nguyễn Tiên Điền là họ danh vọng nhất thời Lê Mạt, cho nên đương thời có lời truyền tụng:

*Bao giờ Ngàn Hồng hết cây
Sông Rum hết nước họ này hết quan*

Rõ ràng năm 1766 là giả thuyết được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận. Nhưng năm 1765 lại được nhiều người công nhận hơn. Như Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế trong “Từ điển Nhân vật lịch sử” viết: “Nguyễn Du tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên và có nhiều biệt hiệu như Hồng Sơn liệp hộ (về năm sinh, năm Ất Dậu là 1765, nhưng có sách ghi ngày 23 tháng 11 âm lịch: 3-1-1766 mới đúng). Con Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm và Trần Thị Tân, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân trấn Nghệ An (nay là Hà Tĩnh), nhưng sinh ở Thăng Long”.

Giá sách cũ thập niên 30

Thập niên 1930 là thời kỳ văn học Việt Nam phát triển mạnh. Nhiều *nhóm văn học hay văn đoàn* đã được thành lập với chủ trương khác nhau. Nổi bật nhất là *nhóm Tự lực văn đoàn* của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng hô hào cải cách xã hội.

Nhóm Hàn Thuyên với Trương Tửu, Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Đức Quỳnh chủ trương theo đường lối của đệ tứ quốc tế.

(Tạ Quang Khôi – Sơ lược nền văn học Việt Nam thế kỷ 20)

Câu đối tự thuật

Chị em ơi! ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông, tây, nam, bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác.

Trời đất nhẽ! gặng một phen này nữa, xếp cung, kiếm, cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng ềnh

(Nguyễn Công Trứ - Câu đối tự thuật)

Tiếng Việt phong phú

Từ Hà Nội, trứng vịt ngao du vào đến Huế được gọi là *trái* vịt lộn.

Vào đến Sài Gòn được kêu là *hột* vịt lộn

Xuống tới Cà Mau, nếu trứng vịt còn sống nhăn, được gà ấp ra...con dịt.

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Cóc ba năm lại quay đầu về núi

Trong *Từ điển thành ngữ Việt Nam* có câu thành ngữ “cóc ba năm lại quay đầu về núi”. Hình thức gốc của câu này là “*cáo chết ba năm quay đầu về núi*” như ai nấy đều biết. Đâu có thể nào tự tiện đổi “*cáo*” thành “*cóc*” được, vì nếu có thể hoán vị một cách tùy tiện như thế thì biết đâu sẽ chẳng có người hứng chí viết “*con cáo là cậu ông trời*” để làm một cuộc đổi đời vì xưa nay ai cũng biết rằng cậu của ông trời là...con cóc.

Rất có thể là thợ nhà in chơi khăm các nhà biên soạn *Từ điển thành ngữ Việt Nam* nên mới xếp sai “*cáo*” thành “*cóc*” chẳng!

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

Nông Cổ Mìn Đàm

Tuần báo phát hành vào ngày thứ Năm, do Canavaggio sáng lập. Số 1 ra ngày 1-8-1901, chủ bút tờ báo này lần lượt gồm có: Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Gilbert Trần Chánh Chiếu, *Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt*, Nguyễn Viên Kiều, Nguyễn Đồng Trụ, còn có sự cộng tác của các nhà văn danh tiếng như Nguyễn An Khương, Thượng Tân Thị Phan Quốc Quang, Lê Quang Chiếu, Giáo Sỏi.

